

Số: 1993 /TM-KSBT

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 10 năm 2026

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Về việc mua gói Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc tại cơ sở 2 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên kính mời Quý đơn vị tham gia chào giá gói dịch vụ: Bảo hiểm cháy nổ cụ thể sau:

1. Danh mục dịch vụ: Chi tiết tại phụ lục đính kèm

2. Hiệu lực báo giá: 01 bản báo giá chi tiết danh mục có chữ ký và dấu của người đại diện pháp luật của đơn vị cung cấp, giá trị trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày gửi bản chào giá.

3. Hạn nộp báo giá:

Trước 10 giờ 00 phút, ngày 07 tháng 10 năm 2026 theo các hình thức sau:

Bản scan gửi qua email: tochucytdp@gmail.com.

Hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận văn thư của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ: Số 971, đường Dương Tự Minh, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

Số điện thoại liên hệ: 0915.130.836.

4. Giá gói dịch vụ: Bao gồm các loại thuế và tất cả các chi phí phát sinh khác có liên quan.

5. Hình thức Hợp đồng: Trọn gói.

6. Thời gian thực hiện hợp đồng: 10 ngày kể từ ngày ký kết.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên trân trọng cảm ơn và mong nhận được sự hợp tác từ Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC(Điện)

GIÁM ĐỐC



Hoàng Anh



Phụ lục I: Phí Bảo hiểm cháy nổ

Kèm theo Thư mời số 1993 /TM-KSBT ngày 02 /10/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái nguyên)

STT	Nội dung	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Phí Bảo hiểm cháy nổ	Gói	01		

Số tiền bằng chữ:

(Giá trên đã bao gồm tiền thuế VAT và tất cả các chi phí khác)



Phụ lục II: Danh mục tài sản mua Bảo hiểm cháy nổ

(Kèm theo Thông tư số: 1993 /TM-KSBT ngày 02/10/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái nguyên)

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Năm sử dụng	SL	Nguyên giá	Hao mòn khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại mua Bảo hiểm
I	PHÒNG TC-HC						
1	Nhà làm việc Nhà A - (BK)	T55016037-203-5084	2025	1	4.517.258.000	2.083.351.166	2.433.906.834
2	Nhà xét nghiệm và hệ thống xử lý chất thải lỏng y tế Nhà E (BK)	T55016037-204-5093	2025	1	4.828.599.600	1.738.295.856	3.090.303.744
3	Nhà làm việc phòng Khám đa khoa Nhà B (BK)	T55016037-204-5086	2025	1	7.393.280.000	3.487.398.400	3.905.881.600
4	Hệ thống cầu truyền hình HT Nhà A (BK)	T55016037-60339-4127	2025	1	17.700.000	9.987.858	7.712.142
5	Máy tính để bàn ĐNA (Nông Văn Tài) (BK)	T55016037-60339-3975	2025	1	11.050.000	6.630.000	4.420.000
6	Màn hình ti vi LG 75 inch - HT Nhà A (BK)	T55016037-6020204-5004	2025	1	19.690.000	3.938.000	15.752.000
	Tổng			6	16.787.577.600	7.329.601.280	9.457.976.320
II	KHOA DƯỠC – VTYT						
1	Tủ lạnh TCW4000AC (BK)	T55016037-60339-3394	2025	1	90.733.765	68.050.325	22.683.440
2	Tủ lạnh TCW4000AC (BK)	T55016037-60339-3395	2025	1	90.733.765	68.050.325	22.683.440
3	Tủ lạnh TCW4000AC (BK)	T55016037-60339-3392	2025	1	90.733.765	68.050.325	22.683.440
4	Tủ bảo quản vacxin TCW80AC (BK)	T55016037-60339-3382	2025	1	74.373.678	46.483.550	27.890.128
	Tổng			4	346.574.973	250.634.525	95.940.448
III	KHOA XN-CDHA-TDCN						
1	Hệ thống Real-time PCR (BK)	T55016037-60339-3812	2025	1	1.050.000.000	612.500.000	437.500.000
2	Máy phá mẫu bằng vi sóng (BK)	T55016037-60339-3875	2025	1	1.120.000.000	980.000.000	140.000.000
3	Máy tách chiết Acid Nucleic (BK)	T55016037-60339-3884	2025	1	700.000.000	408.333.334	291.666.666
4	Máy tách chiết tinh sạch ADN/ARN và protein tự động (BK)	T55016037-60339-3885	2025	1	730.000.000	503.700.000	226.300.000
	Tổng			4	3.600.000.000	2.504.533.334	1.095.466.666
	TỔNG CỘNG			14	20.734.152.573	10.084.769.139	10.649.383.434